

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 23/09/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	30206545836	Võ Thị Hồng	Ân	31/07/2006	Quảng Nam	31SBN3	5.7	5.3	Đạt	
2	27205434656	Đặng Nguyễn Phương	Anh	21/11/2003	Phú Yên	31CBN5	7.7	5.0	Đạt	
3	27211749236	Phạm Ngọc	Ánh	09/10/2003	Quảng Ngãi	31CYC5	5.7	5.0	Đạt	
4	26211736158	Phạm Phú	Bảo	12/01/2002	Đắk Lắk	31CYC5	5.3	6.9	Đạt	
5	27211721615	Phạm Duy	Bảo	04/02/2003	Quảng Ngãi	31CYC5	7.3	6.3	Đạt	
6	27211226957	Trần Hoàng Gia	Bảo	15/10/2003	Huế	31CSC5	7.7	8.5	Đạt	
7	29219424985	Trần Thanh	Bình	13/05/2005	Gia Lai	31CSC4	8.0	10.0	Đạt	
8	28208322993	Lê Thị Kim	Chi	19/09/2004	Đắk Lắk	31SBN3	7.3	5.3	Đạt	
9	27215201940	Phạm Thế	Chương	27/10/2003	Quảng Ngãi	31CSC4	8.7	9.8	Đạt	
10	29204642921	Nguyễn Âu	Cơ	19/11/2005	Gia Lai	31TSC6	7.0	5.0	Đạt	
11	26215332132	Nguyễn Hoài	Đức	25/09/2002	Bình Định	31CSC4	7.7	6.8	Đạt	
12	27215450203	Trịnh Anh	Dũng	23/11/2003	Hà Tĩnh	31CYC5	9.3	6.0	Đạt	
13	27207540496	Lê Thị Mỹ	Duyên	11/09/2003	Quảng Nam	30CSC6	5.0	5.0	Đạt	
14	29206245929	Nguyễn Thị Ánh	Duyên	07/04/2005	Gia Lai	31CSC5	7.7	6.0	Đạt	
15	29204640015	Đỗ Thị Hồng	Hà	30/09/2005	Gia Lai	31CSC4	6.3	4.3	Không Đạt	
16	27211341368	Nguyễn Lương	Hải	23/10/2003	Quảng Trị	31CYC5	6.0	3.9	Không Đạt	
17	27205230323	Trần Thị Thanh	Hằng	27/04/2003	Bình Định	31CSC4	10.0	9.5	Đạt	
18	26205339272	Võ Nguyễn Thu	Hiền	09/05/2002	Bình Định	31CSC4	9.7	8.9	Đạt	
19	26215300830	Nguyễn Quang Minh	Hiền	18/08/2002	Huế	31CSC4	8.0	9.3	Đạt	
20	27211734039	Lê Trung	Hiếu	02/07/2003	Thanh Hóa	31CYC5	3.7	5.0	Không Đạt	
21	28204351025	Trần Phạm Diễm	Hiếu	13/01/2004	Quảng Nam	31CHT5	8.3	7.0	Đạt	
22	27212929889	Đặng Văn	Hung	15/01/2003	Nghệ An	31CHT5	7.3	8.3	Đạt	
23	28211150005	Trần Khánh	Hung	07/06/2003	Đắk Lắk	31CHT5	8.3	7.5	Đạt	
24	27215402074	Trịnh Quốc	Hung	06/09/2000	Huế	31CBN5	7.3	8.0	Đạt	
25	26205339283	Lê Thị Mỹ	Hương	17/04/2002	Đà Nẵng	31CSC5	8.0	5.9	Đạt	
26	28206545883	Nguyễn Thị Mai	Hương	22/05/2003	Quảng Bình	31CYC5	9.7	5.8	Đạt	
27	28209500591	Nguyễn Thị Xuân	Hương	02/05/2004	Quảng Trị	31CHT5	5.3	3.5	Không Đạt	
28	26205339286	Trần Thị Thùy	Hương	01/10/2002	Quảng Ngãi	31CSC4	10.0	9.0	Đạt	
29	27218245446	Bùi Quang	Huy	18/02/2003	Kon Tum	31CSC4	5.0	5.3	Đạt	
30	26215339281	Vũ Quang	Huy	28/08/2002	Kon Tum	31CSC5	9.0	9.5	Đạt	
31	27215345031	Hoàng Như	Huyền	04/04/2003	Quảng Bình	31CSC4	8.3	9.5	Đạt	
32	27218240949	Phan Việt	Khánh	15/02/2003	Đà Nẵng	31SBN3	6.0	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	26215334851	Hồ Vĩnh Khoa	04/03/2002	Quảng Nam	31CSC5	8.7	8.3	Đạt	
34	26215339291	Lê Nguyễn Minh Khoa	20/04/2002	Khánh Hòa	31CSC4	9.0	8.8	Đạt	
35	27218528870	Lê Trung Kiên	13/07/2003	Đắk Lắk	31TBN2	5.3	5.3	Đạt	
36	27212135962	Dương Đức Kỳ	07/11/2003	Hà Tĩnh	31CYC5	V	V	Không Đạt	
37	27218238448	Phạm Thanh Lành	07/04/2003	Quảng Nam	31CSC4	2.7	5.3	Không Đạt	
38	30204557389	Đặng Quỳnh Lê	19/03/2006	Hà Tĩnh	31CHT5	V	V	Không Đạt	
39	29206264826	Phan Thùy Linh	03/09/2004	Đắk Lắk	31CSC5	8.0	6.6	Đạt	
40	29204654545	Lưu Khánh Ly	20/01/2004	Hà Tĩnh	31CSC4	5.3	2.8	Không Đạt	
41	29208150767	Phạm Thị Ly	02/04/2005	Quảng Nam	31CHT5	8.7	6.9	Đạt	
42	27215343759	Đoàn Duy Minh	06/10/2003	Lâm Đồng	31CBN5	8.7	9.0	Đạt	
43	28216935219	Trần Ngọc Minh	28/06/2004	Quảng Trị	31CYC5	6.0	4.3	Không Đạt	
44	28208101802	Phan Thị Nhã My	08/07/1999	Đà Nẵng	31CHT5	9.7	9.5	Đạt	
45	27218239397	Văn Thanh Hoàng Nam	19/09/2003	Quảng Nam	31CSC4	7.7	3.6	Không Đạt	
46	28206506449	Huỳnh Thị Thúy Nga	27/10/2004	Bình Định	31CYC5	6.0	4.0	Không Đạt	
47	26205339309	Trần Hà Ngân	21/01/2002	Đà Nẵng	31CSC5	8.3	9.5	Đạt	
48	26204732390	Bùi Thị Bích Ngọc	03/12/1997	Đà Nẵng	31CSC5	9.7	4.0	Không Đạt	
49	28207102440	Nguyễn Thị Bích Ngọc	26/04/2004	Kon Tum	31TSC5	5.0	3.5	Không Đạt	
50	26207231088	Lê Thị Thanh Nhân	26/07/2002	Quảng Nam	31CSC5	4.3	8.5	Không Đạt	
51	27202243943	Nguyễn Thị Băng Nhạn	23/10/2003	Gia Lai	31TYC5	5.0	4.4	Không Đạt	
52	24213705480	Nguyễn Minh Nhật	16/11/2000	Đà Nẵng	31CHT5	5.0	5.8	Đạt	
53	27204337320	Lê Vũ Khánh Nhi	29/08/2003	Đà Nẵng	31TBN2	5.3	7.5	Đạt	
54	28204646545	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	18/03/2004	Gia Lai	31CHT5	8.0	6.8	Đạt	
55	28206500258	Đặng Yên Như	01/09/2004	Bình Định	31CYC5	4.3	5.0	Không Đạt	
56	28208126220	Uông Thị Quỳnh Như	13/10/2003	Đắk Lắk	31TSC5	7.3	4.3	Không Đạt	
57	27207538566	Đặng Thị Nhung	23/03/2002	Quảng Ngãi	30CSC6	4.0	5.3	Không Đạt	
58	28204706379	Đỗ Hoàng Nhung	28/04/2004	Đà Nẵng	31CHT5	5.7	3.5	Không Đạt	
59	27211321109	Huỳnh Minh Phát	24/02/2003	Quảng Ngãi	31CSC4	8.3	6.5	Đạt	
60	27211736464	Lê Tấn Hoàn Phúc	06/07/2003	Quảng Nam	31CSC4	6.0	5.6	Đạt	
61	27212603091	Đinh Thục Phương	12/09/2003	Quảng Trị	31CYC3	4.3	5.8	Không Đạt	
62	26207229150	Hồ Trần Minh Phương	13/08/2002	Đà Nẵng	29THT8	6.3	5.8	Đạt	
63	29204653982	Nguyễn Thị Phương	20/09/2005	Thanh Hóa	31TSC6	6.0	3.1	Không Đạt	
64	27214329264	Phạm Phú Quốc	01/05/2003	Quảng Nam	31CHT5	6.7	7.3	Đạt	
65	27212842462	Ông Văn Quý	08/11/2003	Đà Nẵng	31CSC5	2.0	0.3	Không Đạt	
66	27203336438	Nguyễn Thị Lệ Quyên	17/02/2003	Ninh Bình	31CHT5	5.7	5.3	Đạt	
67	27207228730	Nguyễn Vũ Tịnh Quyên	23/07/2003	Hội An	30TBN15	5.0	7.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	27203342189	Dương Xuân	Quỳnh	29/10/2003	Quảng Nam	31CHT5	6.7	4.3	Không Đạt	
69	26211534735	Nguyễn Phước	Sang	31/08/2002	Đà Nẵng	31CSC5	8.0	9.3	Đạt	
70	27217140008	Nguyễn Thanh	Tài	07/04/2003	Quảng Nam	31CYC5	5.7	5.0	Đạt	
71	27217028683	Phạm Vũ	Thái	18/09/2003	Quảng Nam	31THT2	7.0	5.3	Đạt	
72	27214303182	Nguyễn Quang	Thắng	18/12/2001	Quảng Nam	31CHT5	V	V	Không Đạt	
73	26215341707	Võ Việt	Thắng	10/06/2002	Bình Định	31CSC4	9.0	10.0	Đạt	
74	29204661377	Ngô Huyền	Thanh	08/04/2005	Quảng Ngãi	31CHT5	7.7	6.0	Đạt	
75	27215450533	Lê Đình	Thành	29/05/2001	Bà Rịa	31CYC5	4.3	5.0	Không Đạt	
76	27217042354	Đoàn Ngọc	Thảo	10/02/2003	Quảng Nam	31THT2	7.3	5.0	Đạt	
77	28204554418	Lê Thị	Thảo	02/08/2004	Quảng Nam	31CSC4	9.7	8.1	Đạt	
78	27212844235	Nguyễn Hữu Ngọc	Thảo	24/05/2003	Đà Nẵng	31CSC5	7.3	6.3	Đạt	
79	28206104384	Nguyễn Nhiên	Thảo	29/11/2004	Quảng Trị	31CHT5	7.7	5.0	Đạt	
80	28219447238	Lê Huỳnh	Thu	12/10/2004	Bình Định	31CHT5	9.0	6.0	Đạt	
81	28204942764	Lương Xuân	Thư	22/01/2004	Quảng Nam	30TYC6	5.0	4.1	Không Đạt	
82	26205333239	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/05/2002	Quảng Nam	31CSC4	9.3	9.4	Đạt	
83	26205339345	Ngô Thị Mến	Thương	08/05/2002	Quảng Ngãi	31CSC4	10.0	8.5	Đạt	
84	26207130806	Trần Thị	Thương	25/11/2002	Quảng Ngãi	30CSC5	6.3	5.0	Đạt	
85	27212246140	Phạm Thu	Thùy	15/05/2003	Gia Lai	31CBN2	6.7	3.8	Không Đạt	
86	28204105157	Nguyễn Thị Thanh	Trà	17/10/2004	Quảng Nam	31CSC4	10.0	9.5	Đạt	
87	27202239106	Phan Thị Đan	Trâm	06/05/2003	Quảng Trị	30TSC9	7.0	6.3	Đạt	
88	28206200590	Lương Huyền	Trang	18/10/2004	Gia Lai	31TSC5	6.3	2.9	Không Đạt	
89	28214305386	Nguyễn Như Hải	Triều	17/03/2004	Đà Nẵng	31TSC4	7.3	5.3	Đạt	
90	27202641658	Trương Thị Kiều	Trình	30/06/2003	Đắk Lắk	30TYC2	6.0	5.3	Đạt	
91	26215332679	Nguyễn Đức	Trung	25/03/2002	Quảng Bình	31CSC5	5.3	8.4	Đạt	
92	27217144200	Nguyễn Công	Tú	24/12/2003	Quảng Trị	31CSC4	8.7	2.9	Không Đạt	
93	26203222725	Nguyễn Thị Thanh	Tú	29/04/2002	Đắk Lắk	30THT11	3.0	5.3	Không Đạt	
94	26218642558	Lê Anh	Tuấn	22/08/2002	Thừa Thiên H	30SYC2	5.7	5.5	Đạt	
95	27202543463	Nguyễn Thị Thảo	Vi	22/05/2003	Quảng Nam	30CSC9	9.7	5.8	Đạt	
96	29206242548	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	29/10/2005	Quảng Nam	31CSC5	9.3	6.8	Đạt	
97	28204901936	Huỳnh Thị Thu	Yến	15/08/2004	Đà Nẵng	31CHT5	H	H	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh